

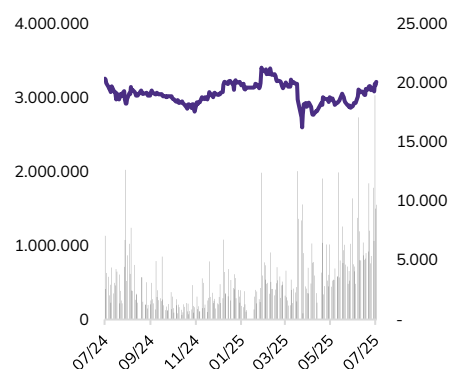
Lê Thị Kim Huê

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Điện khí
Ngày báo cáo	: 04/08/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 20.500
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 5.901
SLCPLH (CP)	: 287.876.029

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

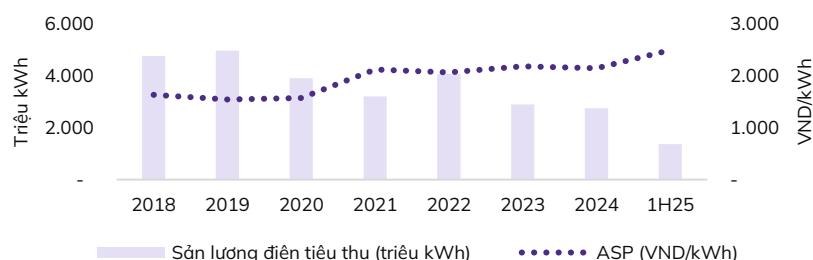
Chỉ tiêu	2Q24	2Q25
Tăng trưởng DTT (%)	0,2%	-4,8%
Tăng trưởng LNST (%)	-15,3%	167,0%
Biên LNG (%)	5,9%	17,6%
Biên LNST (%)	5,6%	15,7%
ROA (%)	1,2%	3,7%
ROE (%)	3,0%	7,6%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,32	0,46
EPS (VND/CP)	424	1.109
BVPS (VND/CP)	14.139	14.916

Nguồn: FiinPro, ABS Research

KQKD Q2/2025 & 6T/2025 tăng trưởng ấn tượng

- **KQKD Q2/2025 – tăng trưởng tích cực svck:**
 - ✓ Trong Q2/2025, doanh thu thuần (DTT) của NT2 đạt 2.081 tỷ đồng (-4,8% svck). Sản lượng điện trong kỳ giảm mạnh -23,9% svck về còn 781 triệu kWh, tuy nhiên, được bù đắp bởi giá bán điện tăng mạnh +25,1% svck lên 2.665 đồng/kWh. Lợi nhuận gộp (LNG) đạt 367 tỷ đồng (+183% svck), biên LNG cải thiện mạnh lên 17,6% từ mức 5,9% của cùng kỳ năm trước. Sở dĩ DTT giảm nhẹ nhưng LNG lại tăng mạnh svck theo chúng tôi là do trong Q2/2025, sản lượng điện theo hợp đồng (Qc) của NT2 được giao khá cao, khoảng 952-956 triệu kWh (+21% svck), nên vẫn được hưởng doanh thu theo Qc như đã ký với EVN, trong khi đó sản lượng thực tế giảm mạnh svck khiến lượng khí tiêu thụ ít, làm giảm mạnh giá vốn hàng bán, từ đó làm tăng mạnh LNG svck.
 - ✓ Chi phí QLDN tăng lên 21 tỷ đồng (+16,4% svck). Doanh thu tài chính trong Q2/2025 đạt 38 tỷ đồng, tăng mạnh +97,9% svck, chủ yếu do lãi tiền gửi tăng. Chi phí tài chính trong kỳ cũng tăng mạnh +111,5% svck lên 18 tỷ đồng, chủ yếu là do chi phí lãi vay tăng mạnh. **Kết quả, LNST Q2/2025 của NT2 đạt 326 tỷ đồng (+167% svck).**
- **KQKD 6T/2025 khả quan, vượt kế hoạch LNST năm 2025:**
 - ✓ Lũy kế 6T/2025, DTT của NT2 đạt 3.508 tỷ đồng (+43,3% svck), LNG đạt 411 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lỗ 96 tỷ đồng, biên LNG đạt 11,7%.
 - ✓ KQKD khả quan trên là do cả sản lượng tiêu thụ điện và giá bán điện cùng tăng trưởng tốt svck. Cụ thể, sản lượng điện tiêu thụ của NT2 trong 6T/2025 đạt 1.369 triệu kWh (+16,2% svck) & giá bán điện đạt 2.489 đồng/kWh (+20,8% svck). Tuy nhiên, có một yếu tố ảnh hưởng là giá khí đầu vào lại tăng +1,9% svck lên 9,56 USD/mmBTU.
 - ✓ Chi phí QLDN tăng +21,1% svck lên 40 tỷ đồng. Doanh thu tài chính tăng lên 69 tỷ đồng (+79,8% svck) & chi phí tài chính tăng lên 32 tỷ đồng (+93,3% svck) do vay nợ tăng.
 - ✓ **Kết quả, LNST 6T/2025 của NT2 đạt 363 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ 36 tỷ đồng. Năm 2025, NT2 đặt kế hoạch 8.212 tỷ đồng doanh thu & 279 tỷ đồng LNST. Như vậy, kết thúc 6T/2025, NT2 đã hoàn thành 43,6% kế hoạch doanh thu và 130,2% kế hoạch LNST năm 2025.**

Sản lượng tiêu thụ và giá bán điện của NT2



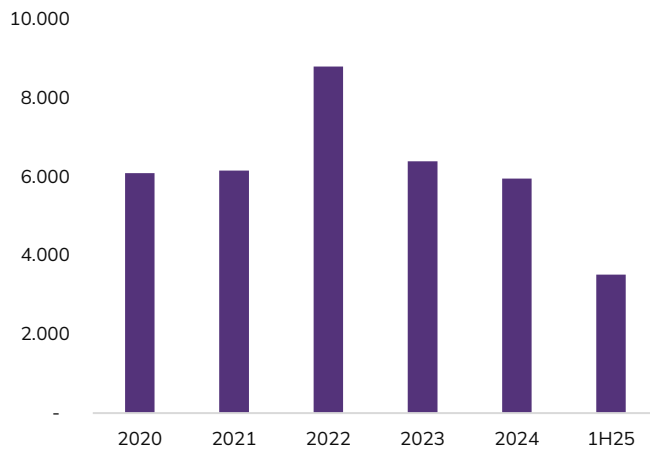
Nguồn: NT2, ABS Research

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025 & 6T/2025

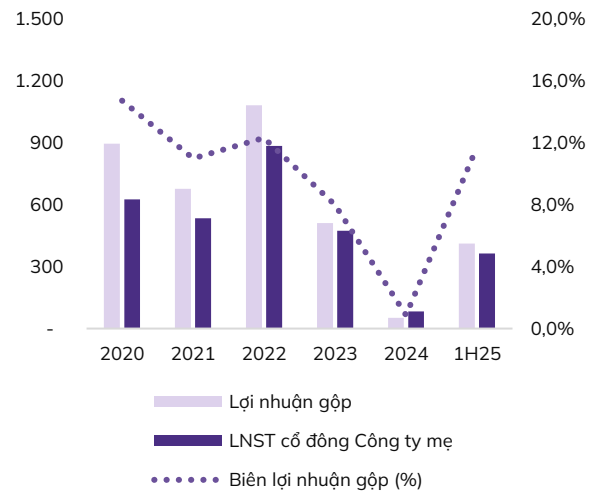
Chỉ tiêu	2Q24	2Q25	%YoY	1H24	1H25	%YoY
Doanh thu thuần	2.186	2.081	-4,8%	2.448	3.508	43,3%
Lợi nhuận gộp	130	367	183,0%	(96)	411	N/A
Biên LN gộp	5,9%	17,6%		-3,9%	11,7%	
Chi phí BH & QLDN	(18)	(21)	16,4%	(33)	(40)	21,1%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	0,8%	1,0%		1,4%	1,1%	
Doanh thu tài chính	19	38	97,9%	39	69	79,8%
Chi phí tài chính	(9)	(18)	111,5%	(17)	(32)	93,3%
Chi phí lãi vay	(9)	(18)	109,7%	(14)	(31)	121,6%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	122	365	199,9%	(107)	408	N/A
Lợi nhuận trước thuế	122	365	198,5%	(36)	408	N/A
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	122	326	167,0%	(36)	363	N/A
Biên LN ròng	5,6%	15,7%		-1,5%	10,4%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Quy mô DTT của NT2 (tỷ đồng)

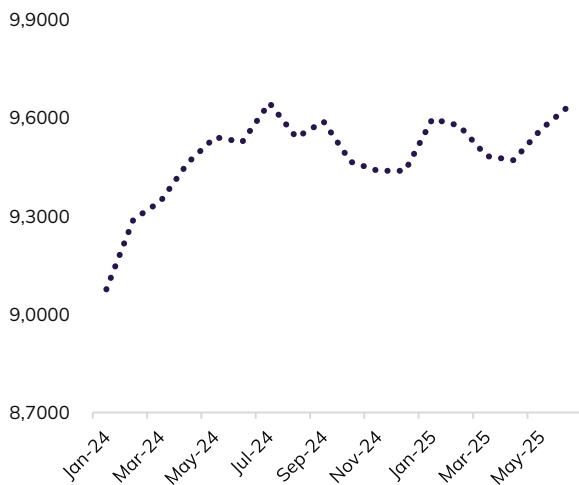


Quy mô lợi nhuận của NT2 (tỷ đồng)

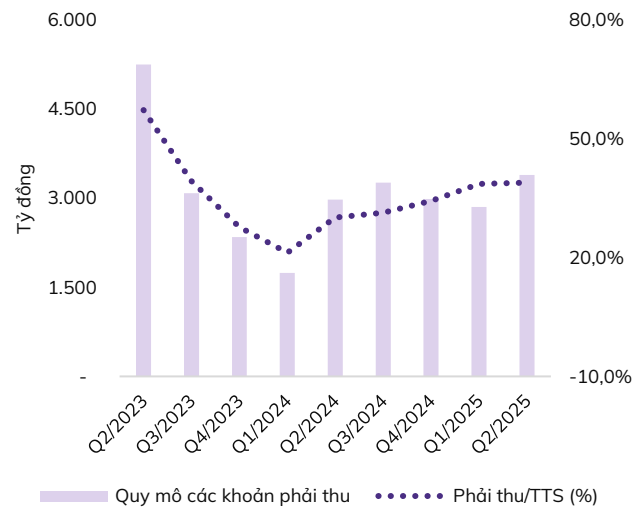


Nguồn: FiinPro, ABS Research

Giá khí đầu vào của NT2 (USD/mBTU)



Quy mô khoản phải thu của NT2



Nguồn: NT2, FiinPro, ABS Research

• **Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền dồi dào, cổ tức bằng tiền đều đặn & đòn bẩy tài chính thấp:**

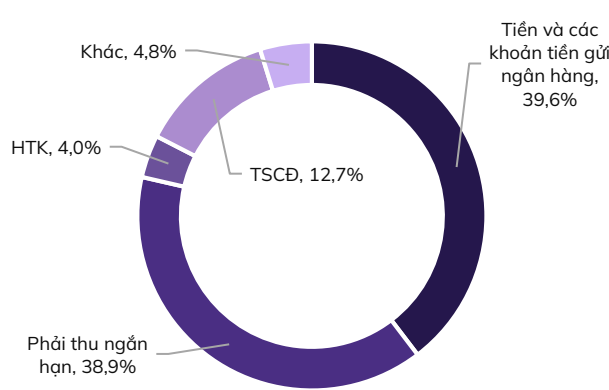
- ✓ **Lượng tiền dồi dào.** Tại 30/6/2025, NT2 có 3.454 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+48,2% so với cuối năm 2024), chiếm 39,6% cơ cấu TTS. Chúng tôi cho rằng lượng tiền tăng mạnh tại thời điểm giữa năm 2025 là do: i) Dòng tiền thuần từ HĐKD cải thiện, ghi nhận dương 331,6 tỷ đồng trong khi cùng kỳ âm 22,9 tỷ đồng, một phần do KQKD 6T/2025 khả quan tạo dư địa tiền nhàn rỗi lớn; ii) Chi phí trả trước dài hạn sụt giảm mạnh, do chi phí nhiên liệu trả trước cho việc mua khí theo nghĩa vụ bao tiêu với PVGas gần 1.040 tỷ đồng đã được khấu trừ toàn bộ. Lượng tiền dồi dào, giúp NT2 có thể chủ động trong HĐKD. Bên cạnh đó, NT2 có lịch sử chi trả cổ tức bằng tiền khá đều đặn. Tỷ lệ cổ tức bằng tiền của NT2 năm 2023 là 15%, năm 2024 là 7% và dự kiến năm 2025 là 10%.
- ✓ **Các khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh.** Tại 30/6/2025, các khoản phải thu ngắn hạn có giá trị 3.394 tỷ đồng (+13,6% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 38,9 % cơ cấu TTS. Trong đó, hơn 3.305 tỷ đồng là từ Công ty Mua bán Điện của EVN (EPTC).
- ✓ **Nợ vay ngắn hạn tăng mạnh.** Tại 30/6/2025, tổng nợ vay của NT2 là 1.988 tỷ đồng (+99,5% so với thời điểm cuối năm 2024), trong đó toàn bộ là nợ vay ngắn hạn. Chúng tôi cho rằng việc nợ vay ngắn hạn tăng mạnh trong bối cảnh dòng tiền của NT2 cải thiện là nhằm mục đích đảm bảo nguồn vốn lưu động cho nửa cuối năm. Hệ số D/E tại thời điểm 30/6/2025 của NT2 là 0,46 lần, tăng so với mức 0,24 lần tại thời điểm cuối năm 2024. Mức đòn bẩy như vậy vẫn ở ngưỡng an toàn.
- ✓ **Đáng chú ý,** dòng tiền thuần từ HĐ đầu tư 6T/2025 bị âm 1.129 tỷ đồng, trong khi dòng tiền từ HĐ tài chính lại dương mạnh 761,4 tỷ đồng. Điều này là do trong kỳ, NT2 đã tăng mạnh nợ vay ngắn (như đề cập ở trên), đồng thời tăng mạnh các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Chúng tôi cho rằng NT2 có thể vừa tận dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn thấp vừa đảm bảo đáp ứng nguồn vốn lưu động cho 6T cuối năm.

Đòn bẩy tài chính vẫn ở ngưỡng an toàn

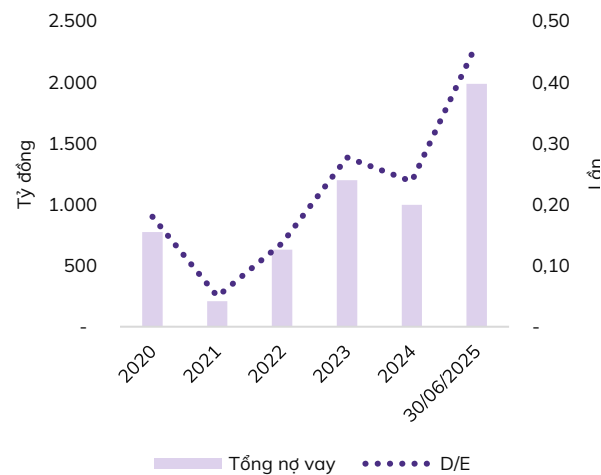
Nợ vay của NT2 (tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023	2024	30/06/2025
Vay ngắn hạn	775	210	631	1.200	996	1.988
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ vay	775	210	631	1.200	996	1.988
VCSH	4.298	4.234	4.614	4.336	4.189	4.294
D/E (lần)	0,18	0,05	0,14	0,28	0,24	0,46

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Cơ cấu TTS của NT2 tại 30/06/2025 (%)



Quy mô nợ vay và hệ số D/E của NT2



Nguồn: FiinPro, ABS Research

- **Triển vọng của NT2 khả quan dựa trên các yếu tố sau:**

- ✓ Triển vọng lợi nhuận năm 2025 khả quan từ mức nền thấp của năm 2024.
 - Nhu cầu điện được hỗ trợ từ động lực tăng trưởng kinh tế nhưng bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế quan của Hoa Kỳ. Chính phủ đặt mục tiêu GDP năm 2025 sẽ trên 8%. Trong dài hạn, Chính phủ quyết tâm tăng trưởng hai con số. Kinh tế dự báo tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2025 sẽ làm tăng nhu cầu sử dụng điện năng, dự kiến nhu cầu tiêu thụ điện năm 2025 từ 11% trở lên. Tuy nhiên, chính sách thuế quan của Hoa Kỳ sẽ phần nào ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và tình hình thu hút FDI, và điều này sẽ ảnh hưởng tới nhu cầu sử dụng điện.
 - Thực tế, KQKD 6T/2025 của NT2 tăng trưởng tích cực svck do sản lượng & giá bán điện tăng svck. Tuy nhiên, trong nửa cuối năm 2025, chúng tôi cho rằng KQKD sẽ không tích cực như nửa đầu năm do: 1) Thủy điện sẽ được ưu tiên huy động do giá cạnh tranh hơn & điều kiện thủy văn đang thuận lợi, điều này có thể ảnh hưởng tới Qc được giao của NT2 trong 6 tháng cuối năm; 2) Nguồn khí trong nước vẫn đang trên đà suy giảm. Bên cạnh đó, giá khí đầu vào cũng đang tăng svck.
 - Khoản thu nhập bất thường có thể hỗ trợ lợi nhuận cho NT2. Khoản thu nhập bất thường này dự kiến đạt 266 tỷ đồng, bao gồm: i) Khoản bồi thường lỗ tỷ giá trị giá 177 tỷ đồng cho phần còn lại của năm 2019, và các năm 2020, 2021; ii) Khoản phí dịch vụ môi trường rừng trong giai đoạn 2019 - 2024. Tuy nhiên, chúng tôi cũng chưa chắc chắn về thời điểm được ghi nhận do NT2 đang trong quá trình đàm phán với EVN.
- ✓ Chúng tôi cho rằng triển vọng lợi nhuận năm 2026 của NT2 có thể tiếp tục cải thiện do sắp hết khấu hao máy móc thiết bị (MMTB). Tại thời điểm 30/6/2025, TSCĐ còn lại của NT2 là 1.081 tỷ đồng. Hàng năm, NT2 trích khấu hao khoảng 687 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi cho rằng MMTB có thể hết khấu hao vào năm 2026, từ đó giúp cải thiện lợi nhuận cho NT2.
- ✓ Ứng phó với cạnh tranh, NT2 đang chủ động tiếp cận nguồn khí LNG. Hiện nay, nguồn khí trong nước vẫn đang trên đà suy giảm. NT2 dự kiến được hưởng lợi nhờ việc PVGas kết thúc hợp đồng cung cấp khí cho các nhà máy điện khí Phú Mỹ 2.2, điều này giúp tái phân bổ nguồn khí cho các nhà máy điện còn lại, trong đó có NT2. Trong khi đó, NT2 có hợp đồng bao tiêu khí nội địa với PVGas đến hết năm 2026. Bên cạnh đó, NT2 cũng đã chủ động ứng phó với tình trạng cạnh tranh nguồn khí đầu vào bằng cách đang tích cực làm việc với EVN để xin ý kiến chấp thuận về việc sử dụng LNG nhập khẩu nhằm hỗ trợ tăng trưởng sản lượng điện thương phẩm trong dài hạn, trong các năm sau giai đoạn 2025–2026. Đây được coi là giải pháp bổ sung để cải thiện khả năng huy động, mở rộng sản lượng từ năm 2026 trở đi.
- ✓ Dòng tiền của NT2 thời gian tới dự kiến tiếp tục cải thiện khi tình trạng tài chính của EVN đang có những tiến triển tốt. Tại 30/6/2025, NT2 đang có hơn 3.305 tỷ đồng khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện của EVN (EPTC), chiếm 38% cơ cấu TTS. Mới đây, EVN vừa công bố BCTC hợp nhất năm 2024 ghi nhận LNST đạt 8.237 tỷ đồng sau 2 năm lỗ nặng. Kết quả trên một phần là do nhiều lần tăng giá bán lẻ điện bình quân, năm 2023 tăng 7,5%, năm 2024 tăng 4,79% và gần nhất là tháng 5/2025 tiếp tục tăng 4,8% lên 2.204 đồng/kWh. Tình hình tài chính của EVN nhìn chung dự báo sẽ tiếp tục cải thiện và điều này sẽ tác động tích cực tới dòng tiền của các công ty bán điện cho EVN, trong đó có NT2.
- ✓ ABS Research dự phóng LNST 2025F của NT2 dự kiến đạt 491 tỷ đồng (+492% svck). EPS & BVPS 2025F dự kiến đạt 1.706 đ/cp & 15.558 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 12,01 và 1,32 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2025F đạt 11%. Mức lợi nhuận có thể cao hơn dự phóng của chúng tôi nếu NT2 được nhận các khoản bồi thường như chúng tôi đã đề cập phía trên và Qc trong Q3 & Q4/2025 được giao ở mức cao hơn dự phóng của chúng tôi.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA NT2

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	6.150	8.788	6.386	5.944
Giá vốn hàng bán	-5.474	-7.706	-5.876	-5.892
Lợi nhuận gộp	676	1.082	510	52
Doanh thu tài chính	18	24	107	100
Chi phí tài chính	-52	-18	-34	-39
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí QLDN	-83	-131	-69	-81
Lợi nhuận từ HĐKD	559	957	514	32
Lãi/Lỗ khác	16	-13	2	146
Lợi nhuận trước thuế	574	944	516	177
Lợi nhuận sau thuế	499	840	435	135
LNST cổ đông Công ty mẹ	534	883	473	83

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HĐKD	1.074	1.383	857	528
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	9	-946	-1.090	-67
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-1.143	-54	-150	-405
LCT thuần trong kỳ	-60	383	-383	56
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	62	1	384	1
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	1	384	1	57

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,08	1,61	1,16	1,28
Khả năng thanh toán nhanh	0,93	1,50	1,08	1,18
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,00	0,47	0,51	0,52
Khả năng thanh toán lãi vay	29,22	62,44	16,25	6,07
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,64	0,62	0,51	0,48
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,36	0,38	0,49	0,52
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,05	0,14	0,28	0,24
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	106,3	105,5	147,0	159,3
Số ngày phải trả	47,7	42,7	76,1	121,8
Số ngày tồn kho	20,9	14,6	17,6	18,4
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	11,0%	12,3%	8,0%	0,9%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	9,2%	10,8%	7,0%	-0,5%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	8,1%	9,6%	6,8%	2,3%
ROE	11,7%	19,0%	9,7%	3,2%
ROA	7,7%	11,9%	5,5%	1,6%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1	384	1	57
+ Đầu tư ngắn hạn	0	949	2.100	2.273
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.230	2.911	2.326	2.989
+ Hàng tồn kho	311	307	260	333
+ Tài sản ngắn hạn khác	38	5	83	122
Tài sản ngắn hạn	2.581	4.557	4.770	5.774
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản cố định	3.496	2.809	2.125	1.442
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	1	0	0	0
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	546	79	1.556	1.482
Tài sản dài hạn	4.043	2.888	3.681	2.924
Tổng Tài sản	6.624	7.445	8.451	8.698
+ Vay ngắn hạn	210	631	1.200	996
+ Nợ ngắn hạn khác	2.180	2.200	2.915	3.512
Nợ ngắn hạn	2.390	2.831	4.115	4.509
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	2.390	2.831	4.115	4.509
+ Vốn cổ phần	2.879	2.879	2.879	2.879
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.196	1.554	1.231	1.085
+ Quý khác	160	182	226	226
Vốn chủ sở hữu	4.234	4.614	4.336	4.189
Tổng cộng nguồn vốn	6.624	7.445	8.451	8.698

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	1,1%	42,9%	-27,3%	-6,9%
Tăng trưởng LNTT	-15,4%	61,4%	-42,7%	-61,4%
Tăng trưởng LNST	-15,1%	68,1%	-48,2%	-69,0%
Tăng trưởng VCSH	-1,5%	9,0%	-6,0%	-3,4%
Tăng trưởng Tổng tài sản	3,8%	12,4%	13,5%	2,9%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	15,0	9,6	15,8	75,9
P/B	1,8	1,8	1,6	1,44
EPS	1.756	2.992	1.546	276
BVPS	14.706	16.027	15.062	14.552

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA

Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên

KHẢ QUAN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%

TRUNG LẬP

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%

KÉM KHẢ QUAN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%

BÁN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây